

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG
NƯỚC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG TY
CỔ PHẦN HẠ
TẦNG NƯỚC
SÀI GÒN

Số: 44/2024/SGW

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
 - Mã chứng khoán: SII
 - Địa chỉ: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM
 - Điện thoại liên hệ/Tel: 028 62918483
 - Website: www.saigonwater.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC năm 2023 đã kiểm toán
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
 - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):
 - ☐ Có
 - ☒ Không
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có
 - ☐ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):
 - ☐ Có
 - ☒ Không
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có
 - ☐ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
 - ☒ Có
 - ☐ Không
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☒ Có
 - ☐ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:
 - ☒ Có
 - ☐ Không
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☒ Có
 - ☐ Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/03/2024
tại đường dẫn: <https://saigonwater.com.vn>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2023 đã kiểm toán
- Văn bản giải trình số 43/2024/SGW



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 43/2024/SGW

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội

V/v: Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ năm 2023.

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại 028 62918483

Fax: 028 62918489

Mã chứng khoán: SII

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn giải trình lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế là âm 34.001.519.802 đồng, giảm lỗ 76,64 tỷ đồng so với năm 2022 (Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là âm 110,64 tỷ đồng) chủ yếu nhờ doanh thu tài chính tăng chủ yếu do khoản nhận cổ tức từ Công ty Tân Hiệp tăng hơn so với năm 2022 và Công ty còn ghi nhận cổ tức từ Công ty Gia Lai.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 lỗ số tiền 34.001.519.802 đồng là do các khoản doanh thu, thu nhập chưa bù đắp được các khoản chi phí trong kỳ và tại Công ty SII sản lượng dự án Củ Chi chưa đạt kết quả như mong muốn bên cạnh đó khoản vay thực hiện Dự án Củ Chi quá lớn dẫn đến chi phí tài chính cao, chi tiết như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
I	TỔNG THU NHẬP	234.970.855.577
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.967.437.360
2	Doanh thu hoạt động tài chính	119.730.363.715
3	Thu nhập khác	273.054.502
II	TỔNG CHI PHÍ	268.972.375.379
1	Giá vốn hàng bán	149.809.348.044
2	Chi phí tài chính	84.514.689.662
3	Chi phí bán hàng	11.204.134.461
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.392.346.545
5	Chi phí khác	51.856.667
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	
III	LỢI NHUẬN SAU THUẾ (I-II)	(34.001.519.802)

Chúng tôi cam kết giải trình trên đây đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

+ Như trên

+ Lưu



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch/Thành viên (miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch từ ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Lều Mạnh Huy	Thành viên
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Hoàng Minh Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Roberto Jose Rialp Locsin	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Philip Marc L.Hermann	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Melvin John Mondejar Tan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Laurence Rentuza	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Bà Karoline Constanino Sangalang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Rose Ann Luna Badidoy	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Alvin Sua Evangelista	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2023)
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2023)
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)

Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)
Bà Hồ Thị Xuân	Phụ trách kế toán (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 14 tháng 9 năm 2023)

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 ngày 24 tháng 11 năm 2023 đã phê duyệt bổ sung ông Nguyễn Văn Thành là người đại diện pháp luật của Công ty cùng với ông Lều Mạnh Huy. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang thực hiện các thủ tục có liên quan để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho sự thay đổi này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện pháp luật (tiếp theo)

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Phó Tổng Giám đốc được ông Lều Mạnh Huy ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/2024/SGW/UQ của Tổng Giám đốc ngày 01 tháng 03 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 1859/2024/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 4 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1741-2023-072-1

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2767-2024-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

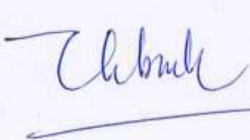
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.630.148.946	84.843.614.325
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.493.022.390	2.504.417.021
1. Tiền	111	V.1	4.493.022.390	2.504.417.021
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.818.760.801	54.233.398.106
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.486.811.521	11.410.205.155
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		588.132.435	138.761.958
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	126.451.914.746	107.636.914.746
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4.772.993.275	2.362.953.442
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(73.481.091.176)	(67.315.437.195)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	8.257.883.187	8.846.457.980
1. Hàng tồn kho	141		8.257.883.187	8.846.457.980
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.060.482.568	19.259.341.218
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	129.206.534	218.054.771
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.248.306.076	9.358.316.489
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	9.682.969.958	9.682.969.958
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.506.957.000.573	2.476.723.690.666
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		105.000.000	105.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		100.000.000	100.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.378.108.040.244	1.435.969.477.893
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.376.960.297.216	1.434.614.491.109
- Nguyên giá	222		1.825.363.448.721	1.815.366.104.811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(448.403.151.505)	(380.751.613.702)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.147.743.028	1.354.986.784
- Nguyên giá	228		2.065.354.180	2.065.354.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(917.611.152)	(710.367.396)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.676.076.675	983.498.397
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.676.076.675	983.498.397
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	1.118.989.183.611	1.032.713.183.611
1. Đầu tư vào công ty con	251		858.726.000.000	769.900.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		183.359.788.611	183.359.788.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		143.153.395.000	143.153.395.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(66.250.000.000)	(63.700.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.078.700.043	6.952.530.765
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	539.712.254	322.914.183
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	6.538.987.789	6.629.616.582
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.608.587.149.519	2.561.567.304.991

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.847.575.010.865	1.766.553.646.535
I. Nợ ngắn hạn	310		97.215.333.907	444.336.040.523
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	29.693.004.225	33.313.494.529
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		685.769.638	149.551.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	173.460.506	228.248.722
4. Phải trả người lao động	314		1.912.160.222	1.365.458.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.946.499.715	9.216.490.184
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	11.635.847.639	40.779.515.380
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	45.168.591.962	359.283.281.728
II. Nợ dài hạn	330		1.750.359.676.958	1.322.217.606.012
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	308.700.000.000	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	650.316.730.003	850.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	791.342.946.955	472.217.606.012
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	761.012.138.654	795.013.658.456
I. Vốn chủ sở hữu	410		761.012.138.654	795.013.658.456
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.623.462.173	16.623.462.173
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(62.643.915.119)	(28.642.395.317)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(28.642.395.317)	81.996.852.879
- Lỗ sau thuế năm nay	421b		(34.001.519.802)	(110.639.248.196)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.608.587.149.519	2.561.567.304.991



Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân
Phụ trách Kế toán




Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

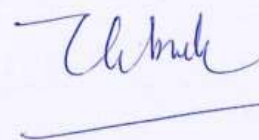
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

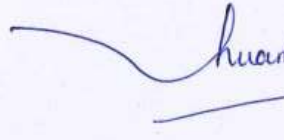
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	114.967.437.360	110.216.853.300
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		114.967.437.360	110.216.853.300
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	149.809.348.044	146.235.230.383
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(34.841.910.684)	(36.018.377.083)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	119.730.363.715	57.218.282.016
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	84.514.689.662	82.496.989.673
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		81.931.182.662	82.145.482.673
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.204.134.461	12.327.549.357
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.392.346.545	37.046.520.079
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		(34.222.717.637)	(110.671.154.176)
11. Thu nhập khác	31		273.054.502	38.940.980
12. Chi phí khác	32		51.856.667	7.035.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		221.197.835	31.905.980
14. Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(34.001.519.802)	(110.639.248.196)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(34.001.519.802)	(110.639.248.196)



Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân
Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023	2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ kế toán trước thuế	01	(34.001.519.802)	(110.639.248.196)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	69.485.289.934	67.580.998.224
Các khoản dự phòng	03	8.715.653.981	28.034.781.660
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(119.730.363.715)	(56.827.772.303)
Chi phí lãi vay	06	81.931.182.662	82.145.482.673
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.400.243.060	10.294.242.058
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	856.019.737	(988.248.839)
Giảm hàng tồn kho	10	2.342.132.247	4.452.358.352
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	20.379.936.559	(1.566.476.683)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(127.949.834)	1.115.428.103
Tiền lãi vay đã trả	14	(114.962.721.060)	(56.172.398.858)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(194.853.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(85.112.339.291)	(43.059.949.797)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.143.044.232)	(6.839.766.547)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.315.000.000)	(4.410.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	116.048.337.715	53.261.945.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	82.090.293.483	42.012.179.348
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	455.296.476.879	128.985.171.660
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(450.285.825.702)	(163.654.074.543)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.010.651.177	(34.668.902.883)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.988.605.369	(35.716.673.332)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.504.417.021	38.221.090.353
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4.493.022.390	2.504.417.021

Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu

Hồ Thị Xuân
Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và thay đổi lần thứ 20 ngày 14 tháng 9 năm 2023 về việc đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 đồng, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty đã thay đổi trụ sở chính từ địa chỉ số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam sang địa chỉ tại lầu 10 tòa nhà Savico, 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang thực hiện các thủ tục có liên quan để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho sự thay đổi này.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Công ty hiện đang đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là SII.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 115 người và 118 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xử lý và cung cấp nước sạch.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") đã hoàn tất giao dịch bán 24.687.050 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty, số lượng cổ phiếu Công ty CII nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên là 7.974.300 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 12,36%. Theo đó, Công ty CII không còn là công ty mẹ của Công ty kể từ ngày này.

Sau giao dịch nêu trên, Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP ("Công ty DNP Water") trở thành cổ đông lớn của Công ty và nắm giữ 19% vốn điều lệ. Ngày 11 tháng 12 năm 2023, Công ty DNP Water đã đăng ký mua thêm 20.395.550 cổ phần của Công ty. Ngày 10 tháng 01 năm 2024 Công ty DNP Water đã hoàn tất giao dịch mua thêm cổ phần, nâng tỷ lệ nắm giữ lên thành 50,61% để đạt được quyền kiểm soát Công ty.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 đã thông qua các nội dung quan trọng có ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược nhằm mục đích hoán đổi các khoản nợ của Công ty phát sinh từ giao dịch mua lại cổ phần tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi và các khoản nợ phát sinh từ các khoản hỗ trợ vốn, khoản vay của Công ty. Dự kiến trong năm 2025, Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục tăng vốn này.
- Phê duyệt giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi từ các bên liên quan.
- Thông qua tờ trình của Hội đồng Quản trị liên quan đến việc Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP ("Công ty DNP Water") mua cổ phiếu của Công ty từ các cổ đông hiện hữu mà không phải chào mua công khai.
- Chấp thuận cho Công ty DNP Water hỗ trợ vốn cho Công ty để thanh toán khoản nợ cho Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào các công ty sau:

Tên công ty	31/12/2023				01/01/2023				Hoạt động chính
	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích			Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích			
		Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)		Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	
Công ty con									
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	51,00%	51,00%	51,00%	0,00%	51,00%	51,00%	51,00%	0,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	90,00%	90,00%	90,00%	0,00%	90,00%	90,00%	90,00%	0,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	85,00%	85,00%	85,00%	0,00%	85,00%	85,00%	85,00%	0,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi (i)	100%	100%	100%	0,00%	50,98%	50,98%	50,98%	0,00%	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
5. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (ii)	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	100%	100%	100%	0,00%	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật
Công ty liên kết									
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	43,00%	43,00%	43,00%	0,00%	43,00%	43,00%	43,00%	0,00%	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	49,00%	49,00%	49,00%	0,00%	49,00%	49,00%	49,00%	0,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	49,00%	49,00%	49,00%	0,00%	49,00%	49,00%	49,00%	0,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 30.882.600 cổ phần, tương đương với 49,02% vốn điều lệ của Công ty nước Củ Chi. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty nước Củ Chi tăng từ 50,98% lên 100%.

(ii) Ngày 11 tháng 01 năm 2023, Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2023 của Hội đồng Quản trị về việc giải thể Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN, ngày 04 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất các thủ tục có liên quan để giải thể công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Thông tin về giả định hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và tin tưởng rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư sẽ giúp Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty như sau:

- Đối với dự án Củ Chi: Công ty thực hiện tăng cường vận động, tuyên truyền người dân sử dụng nước sạch tại Dự án cấp nước Củ Chi và dự kiến số lượng khách hàng tăng, tăng sản lượng và giá bán bình quân. Công ty tiếp tục làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các sở ban ngành, ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp.
- Các công ty con, công ty liên kết của Công ty đều đã được tăng giá nước từ cuối năm 2023 và đầu năm 2024. Đồng thời các công ty này cũng thực hiện các giải pháp tăng sản lượng, kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh I về các sự kiện quan trọng, trong năm 2025 Công ty sẽ hoàn tất việc tăng vốn điều lệ và sử dụng nguồn vốn này để hoán đổi các khoản vay và công nợ.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP ("Công ty DNP Water"), Công ty mẹ của Công ty từ ngày 10 tháng 01 năm 2024 – như đã trình bày tại Thuyết minh I về các sự kiện quan trọng, cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cần thiết cho hoạt động của Công ty và tiếp tục cho đến khi Công ty có khả năng tự chủ về dòng tiền phục vụ cho hoạt động tối thiểu trong một năm tài chính tiếp theo.
- Trong 12 tháng tới, Công ty dự kiến sẽ nhận được cổ tức bằng tiền từ Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp (77,4 tỷ đồng), Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức (11,455 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia (10,8 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (4,59 tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua – bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu tài chính*

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh nước sạch và cung cấp dịch vụ liên quan đến ngành nước sạch. Công ty hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty chỉ lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	14.081.576	673.448.039
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.478.940.814	1.830.968.982
Cộng	4.493.022.390	2.504.417.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	7.986.811.521	7.910.205.155
Ông Lê Văn Nam	2.700.000.000	2.700.000.000
Các đối tượng khác	800.000.000	800.000.000
Cộng	11.486.811.521	11.410.205.155

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	120.461.134.593	101.661.134.593
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	5.865.780.153	5.865.780.153
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	125.000.000	110.000.000
Cộng	126.451.914.746	107.636.914.746

(i) Khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2024.

(ii) Khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

4. Phải thu khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu cổ tức được chia	3.682.026.000	-
Giá trị các đồng hồ nước đang được kiểm định để tái sử dụng	1.048.020.355	2.292.931.782
Tạm ứng cho nhân viên	22.946.920	15.000.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	35.021.660
Cộng	4.772.993.275	2.362.953.442
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng phải thu khác	4.777.993.275	2.367.953.442
Trong đó, phải thu khác các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	-	54.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.370.996.946	234.358.424	(6.136.638.522)	5.484.870.567	201.431.115	(5.283.439.452)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	126.326.914.746	58.982.462.092	(67.344.452.654)	107.526.914.746	45.494.917.003	(62.031.997.743)
Cộng	132.697.911.692	59.216.820.516	(73.481.091.176)	113.011.785.313	45.696.348.118	(67.315.437.195)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Số dư tại ngày đầu năm	(67.315.437.195)	(39.280.655.535)
Trích lập dự phòng bổ sung	(6.165.653.981)	(28.034.781.660)
Số dư tại ngày cuối năm	(73.481.091.176)	(67.315.437.195)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.257.883.187	-	8.846.457.980	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.837.504	215.850.422
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	109.369.030	2.204.349
Cộng	129.206.534	218.054.771
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	370.129.841	-
Cước dịch vụ hoá đơn điện tử	99.790.560	250.067.700
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	69.791.853	72.846.483
Cộng	539.712.254	322.914.183
Tổng cộng chi phí trả trước	668.918.788	540.968.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quần lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2023	96.532.991.903	1.717.300.426.817	1.532.686.091	1.815.366.104.811
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	13.286.780.946	-	13.286.780.946
Thanh lý trong năm (i)	-	(3.289.437.036)	-	(3.289.437.036)
Tại ngày 31/12/2023	96.532.991.903	1.727.297.770.727	1.532.686.091	1.825.363.448.721
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2023	28.958.650.714	351.122.759.372	670.203.616	380.751.613.702
Khấu hao trong năm	4.826.721.624	64.303.588.246	147.736.308	69.278.046.178
Thanh lý trong năm (i)	-	(1.626.508.375)	-	(1.626.508.375)
Tại ngày 31/12/2023	33.785.372.338	413.799.839.243	817.939.924	448.403.151.505
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2023	67.574.341.189	1.366.177.667.445	862.482.475	1.434.614.491.109
Tại ngày 31/12/2023	62.747.619.565	1.313.497.931.484	714.746.167	1.376.960.297.216

Tài sản cố định hữu hình của công ty chủ yếu được hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662.000.000.000 đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600.000.000.000 đồng, Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.784.376.225.077 đồng, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.336.149.158.599 đồng và giai đoạn 2 là 448.227.066.478 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 3.224.167.156 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 1.778.527.077.140 đồng và 1.784.376.225.077 đồng (xem thêm tại *Thuyết minh V.17*).

(i) Trong năm, Công ty đã thanh lý các đồng hồ nước đã hết hạn kiểm định, hư hỏng và không đạt chất lượng sau khi tái kiểm định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1.760.000.000 đồng (*xem thêm tại Thuyết minh V.17*).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	2.676.076.675	983.498.397

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	983.498.397	238.905.197
Chi phí đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước trong năm	18.675.180.875	5.954.068.035
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.286.780.946)	(4.692.352.567)
Nhập kho vật tư thừa	(3.638.045.023)	(503.475.747)
Giảm khác	(57.776.628)	(13.646.521)
Số dư cuối năm	2.676.076.675	983.498.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023			01/01/2023		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	63.000.000	630.000.000.000	-		32.117.400	321.174.000.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	9.180.000	121.176.000.000	-		9.180.000	121.176.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	9.000.000	105.000.000.000	-		9.000.000	105.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000	(2.550.000.000)		25.500	2.550.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	-	-	-		-	220.000.000.000
Cộng	81.205.500	858.726.000.000	(2.550.000.000)		50.322.900	769.900.000.000

Giá trị hợp lý của các công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá gốc của khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý.

Vốn điều lệ đã góp vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi đã được công ty con sử dụng để góp vốn hợp tác đầu tư với công ty mẹ (xem chi tiết tại Thuyết minh V.16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

31/12/2023				01/01/2023			
Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết							
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	10.320.000	119.659.788.611	-	10.320.000	119.659.788.611	-	
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.410.000	44.100.000.000	(44.100.000.000)	4.410.000	44.100.000.000	(44.100.000.000)	
Cộng	16.690.000	183.359.788.611	(63.700.000.000)	16.690.000	183.359.788.611	(63.700.000.000)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	409.114	143.153.395.000	-	409.114	143.153.395.000	-	

Giá trị hợp lý của các công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá gốc của khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CIIB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ trước đây của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	6.538.987.789	-	6.629.616.582	-

13. Phải trả người ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
<i>Phải trả người bán là bên liên quan</i>				
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	-	-	9.885.711.891	9.885.711.891
<i>Phải trả người bán khác</i>				
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	24.799.029.223	24.799.029.223	18.966.462.431	18.966.462.431
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836
Các nhà cung cấp khác	1.757.344.166	1.757.344.166	1.324.689.371	1.324.689.371
	29.693.004.225	29.693.004.225	33.313.494.529	33.313.494.529

b. Phải trả người bán dài hạn*Phải trả người bán là bên liên quan*

Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. (i)	154.350.000.000	154.350.000.000	-	-
<i>Phải trả người bán khác</i>				
Viac (No.1) Limited Partnership (i)	154.350.000.000	154.350.000.000	-	-
	308.700.000.000	308.700.000.000	-	-

Cộng	338.393.004.225	338.393.004.225	33.313.494.529	33.313.494.529
-------------	------------------------	------------------------	-----------------------	-----------------------

(i) Số dư là khoản phải trả cho các bên liên quan đến hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 ngày 24 tháng 11 năm 2023 thông qua việc hoán đổi khoản nợ này thành cổ phần mới phát hành của Công ty, thời gian thực hiện không quá ngày 01 tháng 02 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.682.969.958	-	-	9.682.969.958
b. Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	197.442.667	709.080.956	766.911.910	139.611.713
Phí bảo vệ môi trường	30.806.055	406.608.714	403.565.976	33.848.793
Thuế nhà thầu	-	96.525.000	96.525.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	228.248.722	1.215.214.670	1.270.002.886	173.460.506

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	7.494.179.553	8.941.336.464
Các khoản trích trước khác	452.320.162	275.153.720
Cộng	7.946.499.715	9.216.490.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**16. Phải trả khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Khoản tạm nhận cổ tức từ công ty con	9.900.000.000	7.500.000.000
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	835.289.000	835.289.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	747.347.427	32.331.728.914
Phải trả khác	153.211.212	112.497.466
Cộng	11.635.847.639	40.779.515.380
b. Phải trả dài hạn khác		
Phải trả vốn hợp tác đầu tư vào Dự án Củ Chi (i)	630.000.000.000	630.000.000.000
Phải trả các khoản được chỉ hộ	10.779.186.891	-
Phải trả chi phí lãi vay ngân hàng (ii)	9.537.543.112	-
Phải trả vốn hợp tác đầu tư	-	220.000.000.000
Cộng	650.316.730.003	850.000.000.000
Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	-	220.000.000.000
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	10.779.186.891	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	9.900.000.000	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	641.746.869	-
Cộng	651.320.933.760	857.500.000.000
Tổng cộng phải trả khác	661.952.577.642	890.779.515.380

(i) Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi với số tiền 630 tỷ đồng để thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.

(ii) Khoản chi phí lãi vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (thuyết minh V.17b), được ngân hàng cơ cấu thời hạn thanh toán. Theo đó, 30% chi phí lãi vay phát sinh từ kỳ trả nợ 25/01/2023 đến kỳ 25/10/2027 sẽ được cộng dồn và chia đều thanh toán trong giai đoạn từ kỳ trả nợ 25/01/2028 đến kỳ 27/01/2031.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Khoản vay các bên khác						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	13.968.591.962	13.968.591.962	85.121.683.879	92.343.263.577	21.190.171.660	21.190.171.660
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	-	-	6.000.000.000	297.093.110.068	291.093.110.068	291.093.110.068
Khoản vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	3.200.000.000	3.200.000.000	13.700.000.000	10.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	-	8.000.000.000	27.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh b)	28.000.000.000	28.000.000.000			28.000.000.000	28.000.000.000
Cộng	45.168.591.962	31.200.000.000	115.821.683.879	429.936.373.645	359.283.281.728	359.283.281.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Khoản vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	339.474.793.000	339.474.793.000	339.474.793.000	-	-	-
Khoản vay các bên khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	15.650.547.943	15.650.547.943	15.650.547.943	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	464.217.606.012	464.217.606.012	-	36.000.000.000	500.217.606.012	500.217.606.012
Cộng	819.342.946.955	464.217.606.012	15.650.547.943	36.000.000.000	500.217.606.012	500.217.606.012
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)			(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
Cộng	791.342.946.955	791.342.946.955			472.217.606.012	472.217.606.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	13.968.591.962	3 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Thả nổi, lãi suất trong năm dao động từ 6,6%-9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi và 409.114 cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức
Công ty Cổ phần Cấp Nước Sài Gòn Đan Kìa	3.200.000.000	3 tháng		Lãi suất trong năm từ 7,2%-11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	310.797.939.474	126 tháng	27/01/2031	Thả nổi, lãi suất trong năm dao động từ 8,5%-9,7%/năm	Tài trợ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	153.419.666.538	180 tháng	28/06/2032	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
	339.474.793.000	12 tháng	25/01/2025	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	9.650.547.943	12 tháng	25/01/2025	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
	6.000.000.000	12 tháng	25/01/2025	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Cộng	836.511.538.917					

Lịch thanh toán nợ vay dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	28.000.000.000	28.000.000.000
Trong năm thứ hai	399.125.340.943	36.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	195.500.000.000	168.500.000.000
Sau năm năm	196.717.606.012	267.717.606.012
	819.342.946.955	500.217.606.012
	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	791.342.946.955	472.217.606.012
Cộng		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Công VND
Tại ngày 01/01/2022					
Lỗi trong năm	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	81.996.852.879	905.652.906.652
Tại ngày 01/01/2023					
Lỗi trong năm	-	-	-	(110.639.248.196)	(110.639.248.196)
	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	(28.642.395.317)	795.013.658.456
Tại ngày 31/12/2023					
	-	-	-	(34.001.519.802)	(34.001.519.802)
	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	(62.643.915.119)	761.012.138.654

b. Cổ phiếu

31/12/2023	01/01/2023
Cổ phiếu	Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng
+ *Cổ phiếu phổ thông*
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)
+ *Cổ phiếu phổ thông*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
+ *Cổ phiếu phổ thông*
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu

64.522.104	64.522.104
64.522.104	64.522.104
64.522.104	64.522.104
-	-
-	-
64.522.104	64.522.104
64.522.104	64.522.104

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2023, Công ty không chia cổ tức và trích lập quỹ năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	112.950.365.012	108.765.442.385
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.017.072.348	1.451.410.915
Cộng	114.967.437.360	110.216.853.300

2. Giá vốn hàng bán

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	148.775.875.546	145.399.445.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.033.472.498	835.785.383
Cộng	149.809.348.044	146.235.230.383

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Cổ tức được chia	119.725.192.000	54.115.192.000
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	-	2.700.000.000
Chiết khấu thanh toán	-	390.509.713
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.171.715	12.580.303
Cộng	119.730.363.715	57.218.282.016

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	92.880.000.000	30.960.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	10.800.000.000	11.700.000.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai	4.590.000.000	-
Cộng	119.725.192.000	42.660.000.000

4. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	81.931.182.662	82.145.482.673
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	2.550.000.000	-
Chi phí tài chính khác	33.507.000	351.507.000
Cộng	84.514.689.662	82.496.989.673

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	834.238.356	359.178.082
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	641.746.869	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	345.987.399	435.872.878
Công ty CII	-	8.064.579.213
Cộng	1.821.972.624	795.050.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	10.092.702.878	11.219.215.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.044.660	331.044.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	609.541.417	704.778.980
Các khoản chi phí khác	170.845.506	72.510.505
Cộng	11.204.134.461	12.327.549.357

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.165.612.291	11.561.806.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	57.371.203
Chi phí dự phòng	6.165.653.981	19.668.955.252
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	990.000.000	1.320.000.000
Các khoản chi phí khác	3.071.080.273	4.438.387.403
Cộng	23.392.346.545	37.046.520.079

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	495.833.872	651.325.832
--------------------------------------	-------------	-------------

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2023 VND	2022 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(34.001.519.802)	(110.639.248.196)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	47.621.292.641	70.477.113.445
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(119.725.192.000)	(54.115.192.000)
Lỗi tính thuế	(106.105.419.161)	(94.277.326.751)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN. Theo đó, khoản phải trả vốn hợp tác đầu tư với giá trị 220 tỷ đồng đã được cân trừ công nợ với khoản thu hồi vốn góp trong công ty con. Đây là một giao dịch phi tiền tệ, do đó Công ty không phản ánh dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư liên quan đến giao dịch này trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Bộ phân theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

3. Bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai
 Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia
 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi
 Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN
 Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro
 Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp
 Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê
 Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku
 Ông Nguyễn Văn Thành

Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CI) (i)

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (i)
 Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ (i)
 Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia (i)
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường
 Bình Triệu (i)

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (i)
 Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh (i)
 Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (i)
 Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu Sài Gòn (i)
 Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên (i)
 Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận (i)
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (i)
 Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình (i)
 Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (i)
 Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (i)
 Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)
 Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (i)
 Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (i)
 Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (i)
 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (i)
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII (i)

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Tổng Giám đốc (miễn
nhiệm ngày 14/09/2023)
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Công ty mẹ

Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty liên kết của tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Bên liên quan** (tiếp theo)

(i) Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIH) đã thoái vốn dẫn đến mất quyền kiểm soát. Do đó, Công ty CIH và nhóm các công ty con, công ty liên kết của công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với bên liên quan như sau:

	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CIH (i)		
Trả tiền hỗ trợ vốn	27.000.000.000	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	8.000.000.000	19.000.000.000
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	834.238.356	359.178.082
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	339.474.793.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku		
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	22.300.000.000	-
Thu tiền hỗ trợ vốn	3.500.000.000	4.400.000.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai		
Nhận tiền cổ tức	4.590.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa		
Nhận tiền cổ tức	10.800.000.000	19.200.000.000
Nhận tiền hỗ trợ vốn	13.700.000.000	5.895.000.000
Trả tiền hỗ trợ vốn	-	1.500.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	600.000.000	209.446.835
Cần trừ hỗ trợ vốn với cổ tức phải trả	9.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp		
Nhận tiền cổ tức	92.880.000.000	30.900.000.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	15.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Trả tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	34.027.397	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Bên liên quan** (tiếp theo)**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm**

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Ông Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 14/09/2023)	333.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	220.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính	918.453.525	875.988.500
Ông Nguyễn Khánh Duy	Giám đốc Vận hành - Kỹ thuật	230.190.000	-
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 14/09/2023)	986.346.827	1.207.548.500
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/08/2023)	330.000.000	660.000.000
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2023)	679.805.700	937.388.500
Cộng		3.698.296.052	3.680.925.500

Trong năm, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

4. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các hợp đồng thuê không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	876.918.140	725.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	761.413.744	360.000.000
Cộng	1.638.331.884	1.085.000.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 54.641.601 đồng/tháng (bao gồm phí quản lý). Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 2 năm và sẽ đến hạn ngày 15 tháng 12 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 928, Quốc lộ 22, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 5 năm và sẽ đến hạn ngày 1 tháng 7 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê kho tại số 67 Nguyễn Văn Ni, tổ 10 khu phố 2, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 10.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 1 năm và được gia hạn hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

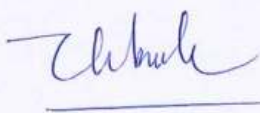
VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP ("Công ty DNP Water") đã hoàn tất giao dịch mua 20.394.550 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty, số lượng cổ phiếu Công ty DNP Water nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên là 32.653.750 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ 50,6%. Theo đó, Công ty DNP Water trở thành Công ty mẹ của Công ty kể từ ngày này.

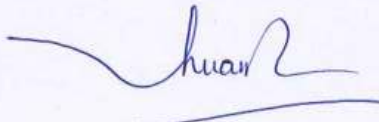
Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính riêng.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân
Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 01/2024/SGW/UQ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Luật dân sự nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ban hành ngày 27 tháng 04 năm 2021;
- Xét yêu cầu thực tế của công việc.

NGƯỜI ỦY QUYỀN:

- Ông : **Lều Mạnh Huy**, sinh ngày 15/04/1985, quốc tịch Việt Nam
- Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn
- CCCD số : 033085001969, ngày cấp 14/10/2022, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN:

- Bà : **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**, sinh ngày 07/01/1980, quốc tịch Việt Nam
- Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Tài chính
- CCCD số : 064180000019, ngày cấp: 12/10/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

A. Nội dung và phạm vi ủy quyền: Bằng giấy ủy quyền này Người nhận ủy quyền được thay mặt Người ủy quyền thực hiện các công việc sau:

- Ký Báo cáo tài chính quý, soát xét và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán
- Ký các thư giải trình của Ban giám đốc gửi đến Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

Người ủy quyền và Người nhận ủy quyền chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện công việc ủy quyền nêu trên. Người nhận ủy quyền phải báo cáo cho Người ủy quyền các công việc thực hiện.

B. Thời gian ủy quyền: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày **01/03/2024** cho đến khi có thông báo mới của Tổng giám đốc.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN


NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

NGƯỜI ỦY QUYỀN




LỀU MẠNH HUY